

## ĐỀ ÁN

### Tuyển sinh trình độ đại học năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHL ngày tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

#### I. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng Kế hoạch tuyển sinh)

##### 1. Tên cơ sở đào tạo:

- Tên trường: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sứ mệnh: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế;

- Mục tiêu: Trường là trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của cả nước; tham gia tích cực vào hoạt động xây dựng pháp luật và phản biện chính sách; nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, từng bước tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; giữ vai trò đầu tàu, có vai trò dẫn dắt các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam trong công tác đào tạo, nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật. Đến năm 2030, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường đại học đa lĩnh vực theo định hướng nghiên cứu, là trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

##### 2. Mã trường: LPS.

##### 3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

- Trụ sở chính (cơ sở 1): số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4;
- Cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức;
- Cơ sở 3: Phường Long Phước, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ).

##### 4. Địa chỉ Trang thông tin điện tử của Trường: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

##### 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường:

- Facebook Trường: <https://www.facebook.com/hcmulaw>;
- Website tuyển sinh: <https://www.tuyensinh.hcmulaw.edu.vn>;
- Fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhdhluattpHCM/>;
- Zalo: <https://zalo.me/dhluattphcm>; số zalo: 0879.5555.14;
- Email: [tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn](mailto:tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn) và [tuyensinh@hcmulaw.edu.vn](mailto:tuyensinh@hcmulaw.edu.vn);
- Group facebook “K49 Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh - Tuyển sinh năm 2024”:  
<https://www.facebook.com/groups/k49daihocluattuyensinhnam2024>;
- Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UCRbvVsvf42YoNoh1rBfYWmA>;
- TikTok: <https://www.tiktok.com/@ulawtv>;
- App: ULAW HCMC.

##### 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Hotline: 1900.5555.14;
- Hoặc 028.3940.0989 nhánh 220, 221 (Trung tâm Tư vấn tuyển sinh); nhánh 112 (Phòng Đào tạo).

### 7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên Trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/thong-tin-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-451.html>;

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo; được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh; đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm:

Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
<b>I. Lĩnh vực Nhân văn (mã lĩnh vực: 722)</b>					
1. Ngôn ngữ Anh K43	Đại học	100	75	24	90,00%
<b>II. Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (mã lĩnh vực: 734)</b>					
1. Quản trị kinh doanh K43	Đại học	200	209	116	89,36%
2. Quản trị - Luật K42	Đại học	200	194	167	91,42%
<b>III. Lĩnh vực Pháp luật (mã lĩnh vực: 738)</b>					
1. Luật K43	Đại học	1.200	1.256	1.065	91,90%
2. Luật thương mại quốc tế K43	Đại học	100	84	72	90,32%

### 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2022-va-2023-446.html>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

a) Thông tin chung:

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2022		x	
2.	Năm 2023		x	

b) Thông tin chi tiết:

o Năm 2022: xét tuyển thí sinh dựa vào:

(i) Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2021 và năm 2022, đã tốt nghiệp THPT năm 2022;

(ii) Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật;

(iii) Kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test);

(iv) Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”;

(v) Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

o Năm 2023: xét tuyển thí sinh dựa vào:

(i) Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2022 và năm 2023, đã tốt nghiệp THPT năm 2023;

(ii) Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh (IELTS, TOEFL iBT), hoặc tiếng Pháp (DELF, TCF), hoặc tiếng Nhật (JLPT);

(iii) Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “*Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2023 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*”;

(iv) Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

## 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>		Năm 2022			Năm 2023		
	<b>1. Ngành Ngôn ngữ Anh</b>		100 chỉ tiêu, trong đó:			100 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp D01	Xét tuyển	70	52	22,5	70	2	24,78
	- Tổ hợp D14		10	26	24,5	10	5	25,78
	- Tổ hợp D66		10	14	24,5	10	31	25,78
	- Tổ hợp D84		10	11	22,5	10	55	24,78
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>		Năm 2022			Năm 2023		
	<b>1. Ngành QTKD</b>		150 chỉ tiêu, trong đó:			150 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	30	49	23,0	30	15	24,16
	- Tổ hợp A01		30	14	22,5	30	3	24,16
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		60	67	23,0	60	15	D <sub>01</sub> : 24,16
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		30	24	22,5	30	119	D <sub>84</sub> : 24,16
	<b>2. Ngành Quản trị-Luật</b>		300 chỉ tiêu, trong đó:			300 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	60	73	25,0	60	30	25,85
	- Tổ hợp A01		60	54	23,5	60	68	24,45
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		120	107	24,25	120	48	D <sub>01</sub> : 25,15
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		60	75	23,0	60	156	D <sub>84</sub> : 25,15
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>		Năm 2022			Năm 2023		
	<b>1. Ngành Luật</b>		1.430 chỉ tiêu, trong đó:			1.430 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	286	267	24,25	286	186	24,11
	- Tổ hợp A01		357	260	22,5	357	332	22,91
	- Tổ hợp C00		215	388	27,5	215	351	27,11
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		572	558	23,25	572	577	23,61
	<b>2. Ngành Luật TMQT</b>		120 chỉ tiêu, trong đó:			120 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A01	Xét tuyển	24	26	26,5	24	5	26,86
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		48	39	26,0	48	5	D <sub>01</sub> : 26,86
	- Tổ hợp D <sub>66,69,70</sub>		24	30	26,0	24	84	D <sub>66</sub> : 26,86
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		24	28	D <sub>84,87</sub> : 26,0; D <sub>88</sub> : 25,75	24	24	D <sub>84</sub> : 26,86
	<b>Tổng:</b>		<b>2.100</b>	<b>2.162</b>		<b>2.100</b>	<b>2.111</b>	

**9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:**

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/thong-tin-danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao-447.html>.

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyên đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyên đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	2497/QĐ-BGDĐT	09/7/2013	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2013	2023
2	Quản trị kinh doanh	7340101	97/QĐ-BGDĐT	06/01/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2023
3	Quản trị - Luật	7340102	941/QĐ-BGDĐT và 2358/QĐ-BGDĐT	16/02/2009 và 09/6/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009	2023
4	Luật	7380101	14-GD/TC	30/11/1988	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1988	2023
5	Luật thương mại quốc tế	7380109	2234/QĐ-BGDĐT	04/7/2016	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2016	2023
6	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	311/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	17/01/2002	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2002	2023
7	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	1551/QĐ-BGDĐT	22/4/2010	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2010	2023
8	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1997	2023
9	Luật kinh tế	8380107	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1997	2023
10	Luật quốc tế	8380108	3045/QĐ-BGDĐT	26/7/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2023

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
11	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	242/QĐ-BGDĐT	12/01/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2023
12	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	2780/QĐ-BGDĐT	12/8/2016	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2017	2023
13	Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	2370/QĐ-BGD&ĐT	15/5/2006	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2006	2023
14	Luật kinh tế	9380107	803/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	23/02/2004	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2004	2023
15.	Luật quốc tế	9380108	3847/QĐ-BGDĐT	15/11/2023			Bộ GDĐT	2023	2023

**10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (thực hiện theo mẫu số 03):**

10.1. Tình hình tuyển mới đến ngày 31/12/2023 và quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học):

a) Tình hình tuyển mới đến ngày 31/12/2023 (Người học):

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>A.</b>	<b>Sau đại học</b>		<b>348</b>	<b>270</b>	<b>77,59</b>
<b>1.</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>		<b>25</b>	<b>22</b>	<b>88,0</b>
1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		25	22	88,0
1.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	5	5	100,0
1.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	5	5	100,0
1.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	5	4	80,0
1.1.4.	Luật kinh tế	9380107	5	3	60,0
1.1.5.	Luật quốc tế	9380108	5	5	100,0
<b>2.</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3.</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>		<b>223</b>	<b>217</b>	<b>97,3</b>
3.1.	Lĩnh vực Pháp luật		223	217	97,3
3.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	38	38	100,0
3.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	62	60	96,77
3.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	40	40	100,0
3.1.4.	Luật kinh tế	8380107	61	61	100,0
3.1.5.	Luật quốc tế	8380108	22	18	81,81

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>4.</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>100</b>	<b>31</b>	<b>31,0</b>
4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		100	31	31,0
4.1.1.	Liên kết với các trường đại học của Pháp		40	25	62,5
4.1.2.	Liên kết với Đại học Tây Anh quốc		60	6	10,0
<b>B.</b>	<b>Đại học</b>		<b>3.120</b>	<b>2.562</b>	<b>82,11</b>
<b>5.</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>2.400</b>	<b>2.413</b>	<b>100,54</b>
5.1.	Chính quy		2.100	2.111	100,52
5.1.1.	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Không	Không	Không	Không
5.1.2.	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		2.100	2.111	100,52
5.1.2.1.	Lĩnh vực Nhân văn		100	93	93,0
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	100	93	93,0
5.1.2.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		450	454	100,88
	a) Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	150	152	101,33
	b) Ngành Quản trị-Luật	7340102	300	302	100,66
5.1.2.3.	Lĩnh vực Pháp luật		1.550	1.564	100,9
	a) Ngành Luật	7380101	1.430	1.446	101,11
	b) Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	120	118	98,33
5.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không	Không	Không
5.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không	Không	Không
5.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		300	302	100,66
5.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		300	302	100,66
	Ngành Luật	7380101	300	302	100,66
5.5.	Liên kết đào tạo với nước ngoài	Không	Không	Không	Không
<b>6.</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>720</b>	<b>150</b>	<b>20,83</b>
6.1.	Vừa làm vừa học		498	65	13,05
6.1.1.	Lĩnh vực Nhân văn		30	0	0
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	30	0	0
6.1.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		135	0	0
	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	135	0	0
6.1.3.	Lĩnh vực Pháp luật		333	65	19,52
	Ngành Luật	7380101	333	65	19,52
6.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không	Không	Không
6.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không	Không	Không
6.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		222	85	38,29
6.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		222	85	38,29
	Ngành Luật	7380101	222	85	38,29
<b>7.</b>	<b>Từ xa</b>	Không	Không	Không	Không
<b>C.</b>	<b>Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non</b>	-	-	-	-
<b>8.</b>	<b>Cao đẳng chính quy</b>	Không	Không	Không	Không
<b>9.</b>	<b>Cao đẳng vừa làm vừa học</b>	Không	Không	Không	Không

## b) Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học):

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>A.</b>	<b>Sau đại học</b>		<b>861</b>
<b>1.</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>		<b>78</b>
1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		78
1.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	17
1.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	16
1.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	18
1.1.4.	Luật kinh tế	9380107	22
1.1.5.	Luật quốc tế	9380108	5
<b>2.</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>0</b>
<b>3.</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>		<b>783</b>
3.1.	Lĩnh vực Pháp luật		752
3.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	87
3.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	248
3.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	131
3.1.4.	Luật kinh tế	8380107	237
3.1.5.	Luật quốc tế	8380108	49
<b>4.</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		
4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		31
4.1.1.	Liên kết với các trường đại học của Pháp		25
4.1.2.	Liên kết với Đại học Tây Anh quốc		6
<b>B.</b>	<b>Đại học</b>		<b>10.584</b>
<b>5.</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>9.416</b>
5.1.	Chính quy		8.672
5.1.1.	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Không	Không
5.1.2.	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		8.672
5.1.2.1.	Lĩnh vực Nhân văn		359
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	359
5.1.2.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		2.093
	a) Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	615
	b) Ngành Quản trị-Luật	7340102	1.478
5.1.2.3.	Lĩnh vực Pháp luật		6.220
	a) Ngành Luật	7380101	5.708
	b) Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	512
5.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
5.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không
5.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		744
5.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		744
	Ngành Luật	7380101	744
5.5.	Liên kết đào tạo với nước ngoài	Không	Không
<b>6.</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>1.168</b>
6.1.	Vừa làm vừa học		894
6.1.1.	Lĩnh vực Nhân văn		0
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	0
6.1.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		0
	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	0

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Quy mô đào tạo
6.1.3.	Lĩnh vực Pháp luật Ngành Luật	7380101	894
6.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
6.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không
6.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		274
6.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật Ngành Luật	7380101	274
7.	<i>Từ xa</i>	Không	Không
C.	<b>Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non</b>		
8.	<b>Cao đẳng chính quy</b>	Không	Không
9.	<b>Cao đẳng vừa làm vừa học</b>	Không	Không

### 10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

a) Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

(i) Tổng diện tích đất của trường (ha): **7.196m<sup>2</sup>**, trong đó:

- Cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4: 3.569m<sup>2</sup>;

- Cơ sở Bình Triệu, thành phố Thủ Đức: 3.627m<sup>2</sup>;

- Cơ sở phường Long Phước, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ): 12,8ha.

(ii) Số chỗ ở ký túc xá sinh viên:

- Diện tích đất: 3.657m<sup>2</sup>; được xây dựng với 3 block lưu trú cao 6 tầng, 2 thang máy và 6 cầu thang bộ;

- Số lượng phòng: 239 phòng; diện tích mỗi phòng: từ 15m<sup>2</sup> đến 38m<sup>2</sup>;

- Sức chứa tối đa: 956 sinh viên.

(iii) Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy:

- Quy mô chính quy (tính đến ngày 31/12/2023): **9.416** sinh viên;

- Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường: **35.263m<sup>2</sup>**, trong đó:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	215	19.264
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	3.748
1.2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	52	6.763
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	48	3.182
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	12	761
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	02	123
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	91	4.687
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02	5.454
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	10.545
	<b>Tổng:</b>	<b>227</b>	<b>35.263</b>

- Diện tích sàn xây dựng/ sinh viên chính quy: **3,75m<sup>2</sup>/ sinh viên** (35.263m<sup>2</sup>/ 9.416 sinh viên).



b) Các thông tin khác: *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:*

Stt	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ lĩnh vực/ ngành/ nhóm ngành/
1.	Phòng thực hành tin học	5 phòng	290 máy tính	Lĩnh vực nhân văn; Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý và Lĩnh vực Pháp luật
2.	Phòng thí nghiệm...	Không	Không	

### 10.3. Danh sách giảng viên (tính đến ngày 31/12/2023)

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian:

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học	
1.	Đỗ Văn Đại	Đại	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật	Luật
2.	Nguyễn Ngọc Hòa	Hòa	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật
3.	Lê Văn Cẩm	Cẩm	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Luật	Luật
4.	Hà Thị Thanh Bình	Bình	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
5.	Lê Huỳnh Tấn Duy	Duy	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
6.	Lê Thị Nam Giang	Giang	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
7.	Trần Hoàng Hải	Hải	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
8.	Nguyễn Thị Phương Hoa	Hoa	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
9.	Nguyễn Cảnh Hợp	Hợp	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
10.	Vũ Văn Nhiệm	Nhiệm	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
11.	Lưu Quốc Thái	Thái	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
12.	Phan Nhật Thanh	Thanh	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật
13.	Lê Trường Sơn	Sơn		Tiến sĩ	Luật	Luật
14.	Nguyễn Hải An	An		Tiến sĩ	Luật	Luật
15.	Nguyễn Thị Bích	Bích		Tiến sĩ	Luật	Luật
16.	Lê Vinh Châu	Châu		Tiến sĩ	Luật	Luật
17.	Đinh Thị Chiến	Chiến		Tiến sĩ	Luật	Luật
18.	Nguyễn Thái Cường	Cường		Tiến sĩ	Luật	Luật
19.	Đặng Tất Dũng	Dũng		Tiến sĩ	Luật	Luật
20.	Đỗ Hải Hà	Hà		Tiến sĩ	Luật	Luật
21.	Trần Thị Thu Hà	Hà <sup>(1977)</sup>		Tiến sĩ	Luật	Luật
22.	Ngô Thị Minh Hằng	Hằng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Luật
23.	Nguyễn Thị Hoa	Hoa		Tiến sĩ	Luật	Luật
24.	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Hồng		Tiến sĩ	Luật	Luật
25.	Nguyễn Mạnh Hùng	Hùng		Tiến sĩ	Luật	Luật
26.	Phạm Trí Hùng	Hùng		Tiến sĩ	Luật	Luật
27.	Lê Thị Thúy Hương	Hương		Tiến sĩ	Luật	Luật
28.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Huyền		Tiến sĩ	Luật	Luật
29.	Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh	Khánh		Tiến sĩ	Luật	Luật
30.	Lê Đình Lục	Lục		Tiến sĩ	Triết học	Luật
31.	Nguyễn Hương Ly	Ly		Tiến sĩ	Luật	Luật
32.	Phan Tuấn Ly	Ly		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Luật
33.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Mai		Tiến sĩ	Luật	Luật

Stt	Họ và tên		Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
34.	Trương Thị Tuyết	Minh		Tiến sĩ	Luật	Luật
35.	Trần Hoàng	Nga		Tiến sĩ	Luật	Luật
36.	Võ Thị Kim	Oanh		Tiến sĩ	Luật	Luật
37.	Dương Hồng Thị Phi	Phi		Tiến sĩ	Luật	Luật
38.	Hoàng Thị Tuệ	Phuong		Tiến sĩ	Luật	Luật
39.	Nguyễn Xuân	Quang		Tiến sĩ	Luật	Luật
40.	Luong Thị Mỹ	Quỳnh		Tiến sĩ	Luật	Luật
41.	Trần Thị	Rôi		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
42.	Lê Việt	Son		Tiến sĩ	Luật	Luật
43.	Lê Thê	Tài		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
44.	Phạm	Thái		Tiến sĩ	Luật	Luật
45.	Lê Nguyễn	Thanh		Tiến sĩ	Luật	Luật
46.	Nguyễn Thị Thu	Thảo		Tiến sĩ	Luật	Luật
47.	Trần Thanh	Thảo		Tiến sĩ	Luật	Luật
48.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1989)</sup>		Tiến sĩ	Luật	Luật
49.	Nguyễn Thị	Thư		Tiến sĩ	Luật	Luật
50.	Mai Thị	Thùy		Tiến sĩ	Luật	Luật
51.	Nguyễn Văn	Tiến		Tiến sĩ	Luật	Luật
52.	Võ Trung	Tín		Tiến sĩ	Luật	Luật
53.	Nguyễn Thị Minh	Trâm		Tiến sĩ	Luật	Luật
54.	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang		Tiến sĩ	Luật	Luật
55.	Nguyễn Thị Thiện	Trí		Tiến sĩ	Luật	Luật
56.	Đỗ Thanh	Trung		Tiến sĩ	Luật	Luật
57.	Phan Anh	Tuấn		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật
58.	Lê Thị Hồng	Vân <sup>(1982)</sup>		Tiến sĩ	Luật	Luật
59.	Ngô Thị Anh	Vân		Tiến sĩ	Luật	Luật
60.	Phạm Văn	Võ		Tiến sĩ	Luật	Luật
61.	Lê Tường	Vy		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật
62.	Nguyễn Phương	An		Thạc sĩ	Luật	Luật
63.	Chung Lê Hồng	Ân		Thạc sĩ	Luật	Luật
64.	Nguyễn Phương	Ân		Thạc sĩ	Luật	Luật
65.	Hà Ngọc Quỳnh	Anh		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật
66.	Lê Ngọc	Anh		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật
67.	Nguyễn Mai	Anh		Thạc sĩ	Luật	Luật
68.	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		Thạc sĩ	Luật	Luật
69.	Nguyễn Tú	Anh		Thạc sĩ	Luật	Luật
70.	Lê Nhật	Bảo		Thạc sĩ	Luật	Luật
71.	Lê Văn	Bích		Thạc sĩ	Tâm lý học	Luật
72.	Đặng Thái	Bình		Thạc sĩ	Luật	Luật
73.	Nguyễn Ngọc Trân	Châu		Thạc sĩ	Luật	Luật
74.	Trần Kim	Chi		Thạc sĩ	Luật	Luật
75.	Đặng Quốc	Chương		Thạc sĩ	Luật	Luật
76.	Lê Trần Quốc	Công		Thạc sĩ	Luật	Luật
77.	Nguyễn Thị Kim	Cúc		Thạc sĩ	Luật	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
78.	Vũ Duy	Cương	Thạc sĩ	Luật	Luật
79.	Hoàng Thế	Cường	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
80.	Hoàng Vũ	Cường	Thạc sĩ	Luật	Luật
81.	Tăng Thị Bích	Diễm	Thạc sĩ	Luật	Luật
82.	Hà Kiều Phương	Dung	Thạc sĩ	Luật	Luật
83.	Nguyễn Anh Thùy	Dung	Thạc sĩ	Luật	Luật
84.	Nguyễn Thị Thùy	Dung (23/02/1991)	Thạc sĩ	Luật	Luật
85.	Vũ Thị Ngọc	Dung	Thạc sĩ	Luật	Luật
86.	Lê Thị Thùy	Dương	Thạc sĩ	Luật	Luật
87.	Nguyễn Trung	Dương	Thạc sĩ	Luật	Luật
88.	Danh Phạm Mỹ	Duyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
89.	Nguyễn Thị Kim	Duyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
90.	Võ Tấn	Đào	Thạc sĩ	Luật	Luật
91.	Võ Hưng	Đạt	Thạc sĩ	Luật	Luật
92.	Đình Văn	Đoàn	Thạc sĩ	Luật	Luật
93.	Nguyễn Hoài	Đông	Thạc sĩ	Triết học	Luật
94.	Lê Thị Trường	Giang	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
95.	Trần Thị Thuận	Giang	Thạc sĩ	Luật	Luật
96.	Vũ Lê Hải	Giang	Thạc sĩ	Luật	Luật
97.	Lê Thanh	Hà	Thạc sĩ	Luật	Luật
98.	Nguyễn Hiếu	Hà	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
99.	Phạm Thị Ngọc	Hà	Thạc sĩ	Luật	Luật
100.	Trần Thị Ngọc	Hà	Thạc sĩ	Luật	Luật
101.	Trần Thị Thu	Hà <sup>(1987)</sup>	Thạc sĩ	Luật	Luật
102.	Nguyễn Tân Hoàng	Hải	Thạc sĩ	Luật	Luật
103.	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Thạc sĩ	Luật	Luật
104.	Nguyễn Hoàng Phước	Hạnh	Thạc sĩ	Luật	Luật
105.	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Thạc sĩ	Luật	Luật
106.	Phạm Thị	Hiên	Thạc sĩ	Luật	Luật
107.	Phan Thị Phương	Hiên	Thạc sĩ	Luật	Luật
108.	Lương Minh	Hiếu	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
109.	Nguyễn Lê	Hoài	Thạc sĩ	Luật	Luật
110.	Ngô Thị Kim	Hoàng	Thạc sĩ	Luật	Luật
111.	Lê Nhật	Hồng	Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật
112.	Trần Linh	Huân	Thạc sĩ	Luật	Luật
113.	Nguyễn Văn	Hùng	Thạc sĩ	Luật	Luật
114.	Nguyễn Thị Lan	Hương	Thạc sĩ	Luật	Luật
115.	Lê Vũ	Huy	Thạc sĩ	Luật	Luật
116.	Nguyễn Thị Vân	Huyền	Thạc sĩ	Luật	Luật
117.	Nguyễn Hoàng Thái	Hy	Thạc sĩ	Luật	Luật
118.	Mai Thị	Lâm	Thạc sĩ	Luật	Luật
119.	Nguyễn Việt Anh	Lân	Thạc sĩ	Luật	Luật
120.	Hà Nhật	Linh	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Luật
121.	Trần Hoàng Tú	Linh	Thạc sĩ	Luật	Luật
122.	Trịnh Thị Kim	Loan	Thạc sĩ	Luật	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
123.	Nguyễn Trọng	Luân	Thạc sĩ	Luật	Luật
124.	Nguyễn Thị Bích	Mai	Thạc sĩ	Luật	Luật
125.	Phạm Thị Tuyết	Mai	Thạc sĩ	Luật	Luật
126.	Lê Thị	Mân	Thạc sĩ	Luật	Luật
127.	Đình Hà	Minh	Thạc sĩ	Luật	Luật
128.	Kim Nguyễn Hồng	Minh	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
129.	Trần Quốc	Minh	Thạc sĩ	Luật	Luật
130.	Trần Thị Ánh	Minh	Thạc sĩ	Luật	Luật
131.	Trần Thị Trúc	Minh	Thạc sĩ	Luật	Luật
132.	Lê Thị	Mơ	Thạc sĩ	Luật	Luật
133.	Lê Thị Anh	Nga	Thạc sĩ	Luật	Luật
134.	Trần Thị Bảo	Nga	Thạc sĩ	Luật	Luật
135.	Nguyễn Kim	Ngân	Thạc sĩ	Nhật Bản học	Luật
136.	Phan Thị Kim	Ngân	Thạc sĩ	Luật	Luật
137.	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	Thạc sĩ	Luật	Luật
138.	Ngô Kim Hoàng	Nguyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
139.	Trịnh Anh	Nguyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
140.	Lý Thành	Nhân	Thạc sĩ	Luật	Luật
141.	Huỳnh Thị Hồng	Nhiên	Thạc sĩ	Luật	Luật
142.	Lê Minh	Nhựt	Thạc sĩ	Luật	Luật
143.	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
144.	Xa Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật	Luật
145.	Lê Hà Huy	Phát	Thạc sĩ	Luật	Luật
146.	Lê Tân	Phát	Thạc sĩ	Luật	Luật
147.	Nguyễn Vũ Pha	Phim	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Luật
148.	Đặng Thị Thanh	Phúc	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
149.	Mai Khắc	Phúc	Thạc sĩ	Luật	Luật
150.	Trương Tư	Phước	Thạc sĩ	Luật	Luật
151.	Huỳnh Minh	Phương	Thạc sĩ	Luật	Luật
152.	Lê Đức	Phương	Thạc sĩ	Luật	Luật
153.	Lê Thị Diễm	Phương	Thạc sĩ	Luật	Luật
154.	Nguyễn Thị Minh	Phương	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
155.	Nguyễn Thanh	Quyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
156.	Vũ Thị	Quyên	Thạc sĩ	Luật	Luật
157.	Lương Minh	Sơn	Thạc sĩ	Luật	Luật
158.	Hoàng Thị Minh	Tâm	Thạc sĩ	Luật	Luật
159.	Dũng Thị Mỹ	Thâm	Thạc sĩ	Luật	Luật
160.	Nguyễn Nhật	Thanh	Thạc sĩ	Luật	Luật
161.	Phùng Hồng	Thanh	Thạc sĩ	Luật	Luật
162.	Lê Thị Thu	Thảo	Thạc sĩ	Luật	Luật
163.	Phan Nguyễn Phương	Thảo	Thạc sĩ	Luật	Luật
164.	Từ Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật	Luật
165.	Phạm Thị Phương	Thảo <sup>(1984)</sup>	Thạc sĩ	Luật	Luật
166.	Phạm Thị Phương	Thảo <sup>(1989)</sup>	Thạc sĩ	Luật	Luật
167.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1992)</sup>	Thạc sĩ	Luật	Luật
168.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1993)</sup>	Thạc sĩ	Luật	Luật
169.	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Thạc sĩ	Luật	Luật
170.	Huỳnh Quang	Thuận	Thạc sĩ	Luật	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
171.	Nguyễn Thị Thương		Thạc sĩ	Luật	Luật
172.	Nguyễn Đào Phương Thúy		Thạc sĩ	Luật	Luật
173.	Nguyễn Thị Thúy		Thạc sĩ	Luật	Luật
174.	Phạm Thị Thúy		Thạc sĩ	Luật	Luật
175.	Hoàng Thị Biên Thùy		Thạc sĩ	Luật	Luật
176.	Trương Thị Minh Thùy		Thạc sĩ	Luật	Luật
177.	Phạm Thị Ngọc Thùy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Luật
178.	Lê Nguyễn Thảo Thy		Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
179.	Nguyễn Thị Hoài Trâm		Thạc sĩ	Luật	Luật
180.	Đặng Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Luật	Luật
181.	Huỳnh Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
182.	Trần Ngọc Lan Trang		Thạc sĩ	Luật	Luật
183.	Lê Văn Tranh		Thạc sĩ	Luật	Luật
184.	Huỳnh Việt Minh Trí		Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
185.	Nguyễn Văn Trí		Thạc sĩ	Luật	Luật
186.	Nguyễn Hữu Túc		Thạc sĩ	Xã hội học	Luật
187.	Ngô Khánh Tùng		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật
188.	Trần Ngọc Lương Tuyên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Luật
189.	Đặng Lê Phương Uyên		Thạc sĩ	Luật	Luật
190.	Đặng Nguyễn Phương Uyên		Thạc sĩ	Luật	Luật
191.	Hoàng Việt		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
192.	Nguyễn Tuấn Vũ		Thạc sĩ	Luật	Luật
193.	Đào Thị Vui		Thạc sĩ	Luật	Luật
194.	Ngô Nguyễn Thảo Vy		Thạc sĩ	Luật	Luật
195.	Đoàn Công Yên		Thạc sĩ	Luật	Luật
196.	Nguyễn Hoàng Yến		Thạc sĩ	Luật	Luật
197.	Nguyễn Bá Anh		Đại học	Công nghệ thông tin	Luật
198.	Nguyễn Thảo Lâm Viên		Đại học	Luật	Luật
199.	Trần Việt Dũng	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật TMQT
200.	Trần Thị Thùy Dương	PGS	Tiến sĩ	Luật	Luật TMQT
201.	Nguyễn Thị Kim Anh		Tiến sĩ	Luật	Luật TMQT
202.	Lê Thị Ngọc Hà		Tiến sĩ	Luật	Luật TMQT
203.	Đỗ Thị Mai Hạnh		Tiến sĩ	Luật	Luật TMQT
204.	Trần Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Luật TMQT
205.	Lê Thị Hồng Vân <sup>(1963)</sup>		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Luật TMQT
206.	Nguyễn Văn Ý		Tiến sĩ	Triết học	Luật TMQT
207.	Trần Nhân Chính		Thạc sĩ	Luật	Luật TMQT
208.	Trần Ngọc Hà		Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật TMQT
209.	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Luật	Luật TMQT
210.	Hà Thị Hạnh		Thạc sĩ	Luật	Luật TMQT
211.	Nguyễn Xuân Mỹ Hiền		Thạc sĩ	Luật	Luật TMQT
212.	Lê Thị Hồng		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật TMQT
213.	Nguyễn Ngọc Hồng Phượng		Thạc sĩ	Luật	Luật TMQT
214.	Lê Minh Tuyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Luật TMQT
215.	Trần Thăng Long	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế	Ngôn ngữ Anh
216.	Trần Đăng Khánh Linh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
217.	Lê Thị Thúy Hằng		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Ngôn ngữ Anh
218.	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Tiến sĩ	Luật	Ngôn ngữ Anh
219.	Lý Ngọc Toàn		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
220.	Trần Thị Thanh Trúc		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Ngôn ngữ Anh
221.	Phạm Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
222.	Phan Lê Chi		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
223.	Phạm Thị Thùy Dung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Ngôn ngữ Anh
224.	Trần Văn Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Ngôn ngữ Anh
225.	Nguyễn Thị Mai Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Ngôn ngữ Anh
226.	Nguyễn Thái Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Ngôn ngữ Anh
227.	Hoàng Ngọc Thanh Trúc		Thạc sĩ	Đông phương học	Ngôn ngữ Anh
228.	Trịnh Quốc Trung	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế học	QTKD
229.	Nguyễn Thị Thủy	PGS	Tiến sĩ	Luật	QTKD
230.	Trần Ngọc Anh		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QTKD
231.	Nguyễn Quyết Chiến		Tiến sĩ	Kinh tế	QTKD
232.	Nguyễn Minh Đạt		Tiến sĩ	Kinh tế học	QTKD
233.	Phan Thị Thành Dương		Tiến sĩ	Luật	QTKD
234.	Lê Thị Minh Ngọc		Tiến sĩ	Luật	QTKD
235.	Lương Công Nguyên		Tiến sĩ	Khoa học quản lý	QTKD
236.	Vũ Thị Thanh Vân		Tiến sĩ	Luật	QTKD
237.	Lưu Đình Vinh		Tiến sĩ	Triết học	QTKD
238.	Phạm Văn Đình		Thạc sĩ	Giáo dục học	QTKD
239.	Lê Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Luật	QTKD
240.	Phạm Thị Minh Hải		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	QTKD
241.	Nguyễn Hoàng Phước Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
242.	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Luật	QTKD
243.	Trần Minh Hiệp		Thạc sĩ	Luật	QTKD
244.	Ngô Gia Hoàng		Thạc sĩ	Luật	QTKD
245.	Lâm Thiệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	QTKD
246.	Đỗ Nguyễn Hữu Tấn		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	QTKD
247.	Trương Diệu Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
248.	Bành Trần Tường Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
249.	Bùi Doãn Zin		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	QTKD
250.	Phan Huy Hồng	PGS	Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
251.	Phạm Đình Nghiệm	PGS	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
252.	Nguyễn Văn Vân	PGS	Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
253.	Hồ Hoàng Gia Bảo		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị - Luật
254.	Hồ Xuân Dũng		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
255.	Nguyễn Thanh Hải		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
256.	Nguyễn Hồ Bích Hằng		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
257.	Đặng Thanh Hoa		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
258.	Hoàng Văn Long		Tiến sĩ	Kinh tế học	Quản trị - Luật

Stt	Họ và tên		Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
259.	Nguyễn Thanh	Long		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Quản trị - Luật
260.	Phan Hoài	Nam		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
261.	Phan Phương	Nam		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
262.	Lê	Nét		Tiến sĩ	Luật	Quản trị - Luật
263.	Nguyễn Thị Thu	Thùy		Tiến sĩ	Tài chính và Kế toán	Quản trị - Luật
264.	Lại Nam	Tuấn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
265.	Nguyễn Xuân	Tùng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
266.	Nguyễn Quốc	Vinh		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
267.	Vũ Thanh	An		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
268.	Nguyễn Phan Vân	Anh		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
269.	Nguyễn Thanh Hoàng	Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
270.	Lê Ngọc	Diễm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
271.	Nguyễn Thị Thùy	Dung (23/10/1991)		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
272.	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Quản trị - Luật
273.	Hoàng Hương	Giang		Thạc sĩ	Kinh tế học	Quản trị - Luật
274.	Ngô Huỳnh	Giang		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
275.	Nguyễn Thị Phương	Hà		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
276.	Nguyễn Tất	Hào		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản trị - Luật
277.	Đỗ Hoàng	Hiếu		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	Quản trị - Luật
278.	Nguyễn Bá	Hoàng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị - Luật
279.	Vũ Đức Nghĩa	Hung		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	Quản trị - Luật
280.	Nguyễn Thanh	Khuong		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị - Luật
281.	Hà Thị Thanh	Mai		Thạc sĩ	Marketing	Quản trị - Luật
282.	Vũ Quang	Mạnh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị - Luật
283.	Nguyễn Thị	Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	Quản trị - Luật
284.	Võ Thị Thảo	Nguyên		Thạc sĩ	Chính sách công	Quản trị - Luật
285.	Trần Thùy	Nhung		Thạc sĩ	Kinh tế học	Quản trị - Luật
586.	Nguyễn Quốc	Ninh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
287.	Lê Hoàng	Phong		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị - Luật
288.	Nguyễn Quốc	Phong		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
289.	Nghiêm Thị Vân	Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
290.	Nguyễn Hữu Phú	Thành		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	Quản trị - Luật
291.	Trần Văn	Thượng		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
292.	Hoàng Thị	Thúy		Thạc sĩ	Toán ứng dụng	Quản trị - Luật
293.	Trần Thị Bảo	Trâm		Thạc sĩ	Hình học và tô pô	Quản trị - Luật
294.	Đặng Hoa	Trang		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
295.	Phạm Thị Minh	Trang		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
296.	Nguyễn Trần Bảo	Uyên		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật
297.	Đặng Huỳnh Thiên	Vy		Thạc sĩ	Luật	Quản trị - Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
<b>Tổng số giảng viên toàn trường: 297, trong đó:</b> - Giáo sư: 3; - Phó Giáo sư: 17; - Tiến sĩ: 82; - Thạc sĩ: 193; - Đại học: 2.					

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học:

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
1.	Trần Mai Ước	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	PGS	Tiến sĩ	Triết học	Luật
2.	Võ Nguyên Hoàng Phúc	Trường Đại học Cần Thơ		Tiến sĩ	Luật quốc tế	Luật TMQT
3.	Huỳnh Đỗ Bảo Châu	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị - Luật
4.	Cao Đăng Quỳnh Trâm	Trước khi nghỉ hưu công tác tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
<b>Tổng số giảng viên thỉnh giảng: 4, trong đó:</b> - Phó Giáo sư: 1; - Tiến sĩ: 1; - Thạc sĩ: 2.						

10.4. Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-tren-trang-thong-tin-dien-tu-cua-truong-448.html>.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-nam-2024-449.html>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-cua-truong-dai-hoc-luat-tp-ho-chi-minh-nam-2024-450.html>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh trên Trang thông tin điện tử của Trường (nếu trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh trên Trang thông tin điện tử của Trường (nếu trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.



## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### 2.1. Tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học

#### 2.1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

a) Đối tượng dự tuyển là thí sinh được Trường thực hiện việc xử lý nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Hệ thống của Bộ), bao gồm:

(i) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tại Việt Nam;

(ii) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(iii) Ngoài ra, đối với phương thức xét tuyển sớm, gồm “tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường” thì để được dự tuyển, thí sinh còn phải đạt các điều kiện theo quy định tại Mục 2.1.3.

b) Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 2.1.1.a phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Đạt ngưỡng đầu vào đối với từng phương thức tuyển sinh theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường và tại Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường;

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c) Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 2.1.1.a được lựa chọn 1 hoặc cả 2 phương thức tuyển sinh được quy định tại Mục 2.1.3 để đăng ký dự tuyển.

#### 2.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 2.1.1;

b) Các ngành được phép tuyển sinh và đào tạo tại Mục I.9 được thực hiện bằng phương thức xét tuyển theo quy định tại Mục 2.1.3.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển theo 2 phương thức:

**a) Phương thức 1 (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường): 45%/ tổng chỉ tiêu**, cho 3 nhóm đối tượng:

● Đối tượng được “tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là **Nhóm đối tượng 1**):

(i) Thí sinh thuộc diện được “tuyển thẳng” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(ii) Thí sinh thuộc diện được “xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (*ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHL ngày 07/6/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, sau đây viết tắt là Quy chế tuyển sinh của Trường*), được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và **đã tốt nghiệp THPT trong năm 2024**. Cụ thể như sau:

- *Môn Văn, Toán và tiếng Anh*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;

- *Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp*: đối với ngành Luật;

- *Môn Lý*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế;

- *Môn Hóa*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật;

- *Môn Sử*: đối với ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh;

- *Môn Địa*: đối với ngành Luật.

(iii) Thí sinh thuộc diện được “xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường;

(iv) Thí sinh thuộc diện được “tru tiên xét tuyển” theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường.

• Đối tượng có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (*tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật*) thuộc diện được “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **Nhóm đối tượng 2**); những chứng chỉ này nếu có quy định về thời hạn thì phải còn giá trị **đến ngày 30/6/2024**. Thí sinh phải đáp ứng đủ 3 điều kiện sau:

(i) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

(ii) *Thứ hai*, có trình độ ngoại ngữ quốc tế đạt tối thiểu như sau:

- Đối với tiếng Anh: **IELTS đạt điểm từ 5,5 trở lên** (*do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp*); hoặc **TOEFL iBT đạt điểm từ 65 trở lên** (*do Educational Testing Service (ETS) cấp*);

- Đối với tiếng Pháp (*chỉ xét tuyển đối với ngành Luật*): chứng chỉ **DELFB đạt từ trình độ B1** trở lên hoặc chứng chỉ **TCF đạt điểm từ 300 trở lên/ kỹ năng** trở lên. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (*Centre International d’Etudes Pedagogiques - CIEP*) cấp;

- Đối với tiếng Nhật (*chỉ xét tuyển đối với ngành Luật*): chứng chỉ **JLPT đạt từ trình độ N3** trở lên (*do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật*).

(iii) *Thứ ba*, có **điểm trung bình cộng** của 5 học kỳ THPT (*gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12*) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên** (*điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*).

• Đối tượng đạt học sinh giỏi tại các trường THPT thuộc diện “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **Nhóm đối tượng 3**): thí sinh phải đáp ứng đủ 4 điều kiện sau:

(i) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

(ii) Thứ hai, phải **học đủ 3 năm** tại các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển sớm năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*”;

(iii) Thứ ba, có kết quả học tập **của từng năm** Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 được xếp **loại giỏi**; và có tổng điểm trung bình năm học của 3 năm THPT **đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên** (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân);

(iv) Thứ tư, có **điểm trung bình cộng** của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên** (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

**b) Phương thức 2** (xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024):

(i) Chỉ tiêu xét tuyển: **55%/ tổng chỉ tiêu**;

(ii) Đối tượng: dành cho thí sinh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Mục 2.1.1 nêu trên;

(iii) Cách thức và thời hạn đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia **từ ngày 18/7/2024 đến 17g00' ngày 30/7/2024**;

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin liên quan đến việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ như: nhập, chỉnh sửa, xem;

- Thí sinh không bị hạn chế, giới hạn số lượng nguyện vọng và số lần điều chỉnh nguyện vọng khi đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

(iv) Trường không sử dụng kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; không sử dụng điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển.

**Lưu ý:** Trường hợp tuyển sinh theo Phương thức 1 chưa hết chỉ tiêu (hoặc tuyển dư chỉ tiêu, tối đa không quá 5%) thì số chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang Phương thức 2 (hoặc sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu của Phương thức 2 tương ứng với số chỉ tiêu tuyển vượt của Phương thức 1, tối đa không quá 5%).

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi TN THPT	55	D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	45	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi TN THPT	121	A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	99	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán

<sup>1</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
3.	7340102	Quản trị - Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	236	A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	194	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
4.	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	852	A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	698	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
5.	7380109	Luật thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi TN THPT	121	A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thăng theo Điều 8 của Quy chế	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường								
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	99	A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán	

### 2.1.5. Ngưỡng đầu vào:

a) Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Công văn số 1957/BGDĐT-GDĐH ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh trình độ đại học và Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Trường;

b) Đối với thí sinh tham gia dự tuyển theo Phương thức 1 (*tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường*) thì ngưỡng đầu vào (*tức mức điểm nhận hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển*) của từng ngành đào tạo được xác định và công bố cùng thời điểm với việc xác định và công bố phương thức tuyển sinh;

c) Đối với thí sinh tham gia dự tuyển theo Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024*) thì ngưỡng đầu vào sẽ được Trường thông báo ngay sau khi các Hội đồng thi công bố kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; thời hạn này phải trước ít nhất là 7 (bảy) ngày, trước khi thí sinh kết thúc việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường (*mã trường; mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển; mã phương thức xét tuyển; tổ hợp xét*

tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển):

a) Mã trường (ký hiệu trường): **LPS**; tên trường: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*mã tuyển sinh các ngành đào tạo*) và tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*tên tuyển sinh các ngành đào tạo*); mã phương thức xét tuyển và tên phương thức xét tuyển; mã tổ hợp xét tuyển và tên tổ hợp xét tuyển:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	Giấy tờ minh chứng để được tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh					
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	Giấy tờ minh chứng để được tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh					
3.	7340102	Quản trị - Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	Giấy tờ minh chứng để được tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh					

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
4.	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
					D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	Giấy tờ minh chứng để được tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
			D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)		
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)					
5.	7380109	Luật thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	Giấy tờ minh chứng để được tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh					

c) Nguyên tắc đăng ký xét tuyển, số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển; và nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

• Nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển và số lượng nguyện vọng được đăng ký xét tuyển:

(i) Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 1 (*tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường*):

- Thí sinh đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo đối tượng được “tuyển thẳng, xét tuyển thẳng” **thì không được** đăng ký theo phương thức “xét tuyển sớm” (*tức không được đăng ký Nhóm đối tượng 2 và/hoặc Nhóm đối tượng 3*). Đối với những thí sinh này được đăng ký **tối đa 5 (năm)** nguyện vọng;

- Thí sinh đủ điều kiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo đối tượng được “ưu tiên xét tuyển”, Nhóm đối tượng 2 và Nhóm đối tượng 3 **thì được quyền**



đăng ký dự tuyển cả ba đối tượng. Đối với những thí sinh này được đăng ký **không hạn chế số lượng nguyện vọng**; riêng thí sinh “ưu tiên xét tuyển” thì đăng ký **tối đa 5 (năm)** nguyện vọng;

- Các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường theo Phương thức 1 được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

(ii) Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024*):

- Thí sinh phải ghi đúng, đủ và thực hiện việc lựa chọn căn cứ để xét tuyển trên Hệ thống của Bộ, bao gồm các thông tin: thứ tự nguyện vọng; tên trường và mã trường; tên ngành và mã ngành và căn cứ để xét tuyển đối với các nguyện vọng đã đăng ký phải phù hợp với các điều kiện dự tuyển được quy định tại Quy chế tuyển sinh của Trường;

- Thí sinh **không bị hạn chế** số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh được điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển **không bị giới hạn số lần**;

- Thí sinh **phải xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ và đồng thời **phải nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định (**từ ngày 31/7/2024 đến 17g00’ ngày 06/8/2024**). Trường hợp thí sinh **chưa xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” hoặc chưa nộp “lệ phí xét tuyển” thì Hệ thống **chưa chấp nhận** việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển của thí sinh.

• Nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

(i) Đối với thí sinh **chỉ đăng ký xét tuyển** theo Nhóm đối tượng 1 hoặc Nhóm đối tượng 2 hoặc Nhóm đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) **theo nguyện vọng cao nhất**;

(ii) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo đối tượng được “ưu tiên xét tuyển”, Nhóm đối tượng 2 và Nhóm đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng thuộc đối tượng được “ưu tiên xét tuyển”, Nhóm đối tượng 2 và Nhóm đối tượng 3 **cùng đủ điều kiện trúng tuyển** thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) theo thứ tự ưu tiên:

- Nguyện vọng cao nhất của đối tượng được “ưu tiên xét tuyển”;

- Nguyện vọng cao nhất của đối tượng 2.

(iii) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: việc xét điều kiện trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển được thực hiện trên Hệ thống của Bộ theo kế hoạch chung.

d) Nguyên tắc xét trúng tuyển (*quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển*):

• Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh được đăng ký theo Phương thức 1 và Phương thức 2 đều được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ; và mỗi thí

sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng được thí sinh đăng ký hợp lệ và đủ điều kiện trúng tuyển;

- Thí sinh đã hoàn thành việc dự tuyển vào Trường theo Phương thức 1, nếu được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển và vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thì thí sinh **phải đăng ký** nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1; chỉ khuyến nghị) trên Hệ thống của Bộ để được xét trúng tuyển chính thức;

- Đối với thí sinh thuộc diện **Nhóm đối tượng 1**: sẽ được Trường xét trúng tuyển vào ngành mà thí sinh đăng ký xét tuyển ở nguyện vọng 1;

- Đối với thí sinh thuộc diện **Nhóm đối tượng 2**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “Mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo theo thứ tự ưu tiên:

- (i) Điểm của Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;

- (ii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

- (iii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

- Đối với thí sinh thuộc diện **Nhóm đối tượng 3**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “Mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo theo thứ tự ưu tiên:

- (i) Tổng điểm trung bình năm học của 3 năm THPT Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

- (ii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

- (iii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

- (i) Điểm trúng tuyển được xác định theo nguyện vọng đăng ký “từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu” để số lượng tuyển được theo từng ngành phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố tại Mục 2.1.4 và không thấp hơn “ngưỡng đầu vào” theo quy định tại Mục 2.1.5; điểm trúng tuyển được xét bình đẳng, chỉ dựa vào tiêu chí là điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký; không sử dụng tiêu chí phụ để chọn thí sinh trúng tuyển (trong trường hợp có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách);

- (ii) Điểm xét trúng tuyển được Trường xác định theo ngành **và theo từng tổ hợp môn xét tuyển**;

- (iii) Điểm xét trúng tuyển khi công bố đã bao gồm điểm “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng chính sách” theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ;

- (iv) Điểm xét trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển của thí sinh được Trường thực hiện trên Hệ thống của Bộ.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển):

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

• Đối với Phương thức 1:

(i) Thí sinh thuộc **Nhóm đối tượng 1** (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển), phải chuẩn bị các loại giấy tờ (bản chụp hoặc scan) sau:

- Thí sinh được “tuyển thẳng” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Bộ); thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thuộc diện được “xét tuyển thẳng”:

+ Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);

+ Bản chính Giấy chứng nhận để được tuyển thẳng theo quy định của Bộ;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đoạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng; người dân tộc thiểu số rất ít người; thí sinh thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; thí sinh có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm tại trường phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thí sinh là người nước ngoài thuộc diện được “xét tuyển thẳng”:

+ Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);

+ Thành phần hồ sơ: thực hiện theo hướng dẫn được nêu trong thông báo, khi Trường tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia thuộc diện được “ưu tiên xét tuyển”:

+ Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đoạt giải học sinh giỏi quốc gia.

(ii) Thí sinh thuộc **Nhóm đối tượng 2** (xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường), phải chuẩn bị các loại giấy tờ (bản chụp hoặc scan) sau:

- Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);

- Bản chính Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;

- Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (bao gồm cả tờ bìa và tất cả các trang có thể hiện đủ điểm của 5 học kỳ) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ điểm của 5 học kỳ) do đại diện Ban Giám hiệu Trường THPT nơi thí sinh đang theo học cấp.

(iii) Thí sinh thuộc **Nhóm đối tượng 3** (xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường), phải chuẩn bị các loại giấy tờ (bản chụp hoặc scan) sau:

- Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);

- Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (bao gồm tờ bìa, trang thông tin thí sinh, quá trình học tập tại bậc trung học phổ thông và tất cả các trang có thể hiện đủ điểm của 6 học kỳ, bao gồm cả trang “kết quả xếp loại cả năm” của mỗi năm học) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ

điểm của 6 học kỳ, “kết quả xếp loại cả năm” của mỗi năm học và quá trình học tập tại trung học phổ thông) do đại diện Ban Giám hiệu Trường THPT nơi thí sinh đang theo học cấp.

**(iv) Một số lưu ý:**

- Các loại giấy tờ nêu trên phải được chụp ảnh hoặc scan từ bản chính, và phải đảm bảo rõ nét, đầy đủ thông tin. Sau đó, phải chuyển đổi hình ảnh đã chụp hoặc scan sang **file PDF** (tương ứng với mỗi loại giấy tờ là 1 file), với kích thước mỗi file tối đa là **10 Mb**;

- Đọc hướng dẫn và thực hiện scan tài liệu theo định dạng file PDF (có hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử của Trường);

- Thí sinh lưu tên các file PDF đã chuyển đổi theo đúng cú pháp sau: **“Số căn cước công dân\_Họ và tên thí sinh\_Tên của loại giấy tờ”**. Ví dụ:

- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Căn cước công dân];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Học bạ trung học phổ thông];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Giấy CN đoạt giải HSGQG].

- Thí sinh sử dụng số căn cước công dân đã đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để nhập lên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường (**tức chỉ sử dụng cùng một số căn cước công dân**).

● Đối với Phương thức 2: thí sinh chuẩn bị các loại giấy tờ theo quy định và thực hiện việc khai báo đầy đủ, đảm bảo tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, đặc biệt là thông tin “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng chính sách” (nếu có) trên Hệ thống của Bộ.

b) Thời gian, điều kiện và cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển:

● Thời gian thí sinh đăng ký xét tuyển:

(i) Đối với Phương thức 1: từ 08g00’ **ngày 16/5/2024** (thứ 5) đến hết **ngày 07/6/2024** (thứ 6); riêng đối với thí sinh thuộc **Nhóm đối tượng 1** là đến 17g00’ **ngày 30/6/2023** (Chủ nhật);

(ii) Đối với Phương thức 2: từ **ngày 18/7/2024** (thứ 5) đến 17g00’ **ngày 30/7/2024** (thứ 3).

● Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển và điều kiện xét tuyển:

(i) Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển: thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.1;

(ii) Điều kiện xét tuyển: thí sinh phải đăng ký đầy đủ các thông tin dự tuyển theo quy định tại Mục 2.1.6 trong thời hạn quy định; phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; và đã thực hiện việc nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đăng ký bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định.

● Cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển

(i) Đối với Phương thức 1:

- Bước 1: Truy cập vào “Trang xét tuyển trực tuyến” của Trường tại địa chỉ: <https://xettuyenk49.hcmulaw.edu.vn>;

- Bước 2: Chọn Đăng ký “Xét tuyển theo Phương thức tuyển sinh trình độ đại học năm 2024”;

- Bước 3: Khai báo thông tin và đăng ký xét tuyển:

- Bước 3.1: Khai báo thông tin cá nhân;
- Bước 3.2: Chọn đối tượng đăng ký xét tuyển;
- Bước 3.3: Chọn nguyện vọng đăng ký xét tuyển;
- Bước 3.4: Đính kèm hồ sơ và minh chứng;
- Bước 3.5: Nhập mã xác minh và đăng ký hồ sơ;
- Bước 3.6: Đăng nhập vào Hệ thống bằng tài khoản được

Trường cung cấp qua email để chỉnh sửa thông tin, thay đổi nguyện vọng (nếu có) và xem thông báo kết quả xét tuyển.

- Bước 4: Đóng lệ phí xét tuyển.

(ii) Đối với Phương thức 2:

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (**từ ngày 18/7/2024 đến 17g00' ngày 30/7/2024**);

- Sau khi đăng ký thành công, thí sinh phải xác nhận “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ, đồng thời phải nộp lệ phí theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến (**từ ngày 31/7/2024 đến 17g00' ngày 06/8/2024**).

c) Công bố kết quả thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*); và thí sinh tiếp tục thực hiện việc xác nhận nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ:

● Đối với Phương thức 1:

(i) Thời hạn công bố kết quả xét đủ điều kiện trúng tuyển sớm (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*):

- Đối với thí sinh thuộc Nhóm đối tượng 1 (*trừ thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia*): dự kiến chậm nhất là 17g00' ngày **10/7/2024 (thứ 4)**;

- Đối với thí sinh thuộc Nhóm đối tượng 2 và Nhóm đối tượng 3: dự kiến chậm nhất là 17g00' ngày **24/6/2024 (thứ 2)**;

- Đối với thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia: dự kiến chậm nhất là 17g00' ngày **22/7/2024 (thứ 2)**. Để được xét đủ điều kiện trúng tuyển sớm thì ngay sau khi có kết quả thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, thí sinh phải gửi ngay kết quả thi này cho Hội đồng tuyển sinh Trường qua email: [xettuyenk49@hcmulaw.edu.vn](mailto:xettuyenk49@hcmulaw.edu.vn) và cập nhật kết quả thi qua đường link <https://forms.gle/7Rn3iMQ5bhsTJS5u7> trước 17g00' ngày **19/7/2024 (thứ 6)**.

(ii) Thí sinh được Trường công bố đủ điều kiện trúng tuyển nếu đã tốt nghiệp THPT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống của Bộ thì **bắt buộc phải** thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản, sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển. Cụ thể như sau:

- Thời gian thực hiện: từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024 (thứ 7);

- Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (*có mẫu Phiếu đính kèm Đề án này*) và kê khai thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu này tại điểm tiếp nhận theo quy định của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú để nhận thông tin tài khoản, thí sinh thực hiện nhập thông tin cá nhân lên Hệ thống để phục vụ công tác đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ.

(iii) Đăng ký nguyện vọng xét tuyển hoặc xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ (**bắt buộc**):

- Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **Nhóm đối tượng 1**:

○ Xác nhận nhập học sớm trên Hệ thống: từ ngày 22/7/2024 đến 17g00' ngày 31/7/2024 (**thứ 4**). Thí sinh đã xác nhận nhập học sớm vào Trường sẽ không được phép đăng ký nguyện vọng xét tuyển tiếp theo ở các phương thức xét tuyển khác trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

○ Trường hợp “chưa xác nhận” nhập học sớm, thí sinh vẫn được quyền tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia như các thí sinh khác để có thêm cơ hội trúng tuyển. Nếu trúng tuyển, thí sinh này vẫn sẽ thực hiện việc xác nhận nhập học theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **Nhóm đối tượng 2 và Nhóm đối tượng 3**: nếu vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thì để được **công nhận trúng tuyển chính thức**, thí sinh phải:

○ **Tiếp tục thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển** đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển sớm lên Hệ thống của Bộ. Việc đăng ký này **phải đảm bảo đồng bộ dữ liệu** giữa “nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển mà Trường đã công bố” với việc “đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ”;

○ **Và đặt nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất** (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1; chỉ khuyến nghị) trên Hệ thống của Bộ;

○ Thời gian thực hiện: từ ngày 18/7/2024 đến 17g00' ngày 30/7/2024 (**thứ 3**).

● Đối với Phương thức 2: điểm trúng tuyển và kết quả thí sinh được xét trúng tuyển được Trường công bố chậm nhất là 17g00' ngày **19/8/2024** (thứ 2).

d) Thời gian và cách thức xác nhận nhập học:

(i) Thời gian: trước 17g00' ngày 27/8/2024 (thứ 3). Thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định này nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không cho làm thủ tục nhập học và không tiếp nhận vào học;

(ii) Cách thức: tất cả thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 1 và Phương thức 2 **đều phải** xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ.

2.1.8. *Chính sách ưu tiên (tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)*: thực hiện chính sách ưu tiên (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển) theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Công văn số 1957/BGDĐT-GDDH ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc

hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường.

**2.1.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển và cách thức thi sinh nộp lệ phí xét tuyển:**

a) Đối với Phương thức 1 (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường):

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: nộp tiền trực tuyến qua **Cổng thanh toán trực tuyến VNPay** (có hướng dẫn đính kèm Đề án này).

b) Đối với Phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024):

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: theo quy định chung của các trường có tham gia xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

**2.1.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):**

a) Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học công lập thực hiện hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn nên học phí của người học được Nhà trường xây dựng theo nguyên tắc từng bước tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo. **Từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027**, mức thu học phí đối với sinh viên trình độ đại học được thu theo lộ trình được quy định tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐT ngày 20/3/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và với mục tiêu nhanh chóng đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận nền giáo dục đại học của các nước phát triển trong khu vực, Trường đã xây dựng Đề án học phí của **năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo** và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, nhằm đảm bảo đủ nguồn lực để đạt được mục tiêu vừa nêu, mức thu học phí đối với sinh viên chính quy trình độ đại học cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Khóa 49 (Khóa tuyển sinh năm 2024)	Năm học			
		2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028 (dự kiến)
1.	Đào tạo chính quy ngành: Luật, Luật thương mại quốc tế, Quản trị kinh doanh	35.250.000	39.750.000	44.750.000	50.340.000
2.	Đào tạo chính quy ngành Quản trị - Luật	41.830.000	47.170.000	53.100.000	59.740.000
3.	Đào tạo chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý	37.500.000	42.250.000	47.750.000	59.740.000
4.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành: Luật, Quản trị kinh doanh	70.500.000	79.500.000	89.500.000	100.690.000
5.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành Quản trị - Luật	83.660.000	94.340.000	106.200.000	119.480.000
6.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành Luật, giảng dạy bằng tiếng Anh	165.000.000	181.500.000	199.700.000	219.700.000

Stt	Khóa 49 (Khóa tuyển sinh năm 2024)	Năm học			
		2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028 (dự kiến)
7.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành Luật, được Trường liên kết đào tạo với Đại học Arizona, Mỹ <sup>(*)</sup>	Học phí bao gồm: 70.500.000 và 4.800\$	Học phí bao gồm: 79.500.000 và 4.800\$	Học phí bao gồm: 89.500.000 và 4.800\$	29.000\$

(\*) Học phí hằng năm đối với Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật liên kết với Đại học Arizona: trong 03 năm đầu học tại Việt Nam gồm học phí của Chương trình đào tạo chất lượng cao tăng cường tiếng Anh và 4.800 dollar Mỹ (đối với dollar Mỹ, sinh viên đóng theo tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày nộp học phí); năm thứ 4, sinh viên “học và đóng học phí trực tiếp” theo quy định của Đại học Arizona.

#### 2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

a) Đối với tuyển sinh đợt 1 hình thức đào tạo chính quy: thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.7; Kế hoạch tuyển sinh đối với công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy của Trường và theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đối với tuyển sinh các đợt bổ sung hình thức đào tạo chính quy (nếu có): các thông tin về kế hoạch xét tuyển; phương thức xét tuyển; điều kiện dự tuyển; thành phần hồ sơ; chỉ tiêu xét tuyển bổ sung; ngành đào tạo và tổ hợp môn có xét tuyển bổ sung; nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển, số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển; nguyên tắc xét tuyển; nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển; thời gian, cách thức xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học tại Trường sẽ được Trường thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh của Trường và trong thông báo tại thời điểm xét tuyển của từng đợt xét tuyển bổ sung.

2.1.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

2.1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:

a) Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Trường đã có quan hệ hợp tác trong đào tạo, thực tập, thực hành với các đơn vị sau đây:

- (i) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- (ii) Tòa án nhân dân quận Gò Vấp;
- (iii) Tòa án nhân dân Quận 10;
- (iv) Văn phòng Thừa phát lại Sài Gòn;
- (v) Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ;
- (vi) Công ty TNHH Tài chính quốc tế Chailease;
- (vii) Công ty cổ phần Tập đoàn Chính Trực (CT Group);
- (viii) Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phúc Khang;
- (ix) Công ty KPMG Việt Nam;
- (x) Công ty cổ phần MGV;
- (xi) Công ty TNHH Luật Sư Riêng;
- (xii) Công ty TNHH Địa ốc Nhà Đại Phát;



- (xiii) Công ty Luật TNHH Phước & Partners;
- (xiv) Công ty Đông Phương Luật;
- (xv) Công ty cổ phần Chứng khoán SSI;
- (xvi) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn;
- (xvii) Công ty Luật TNHH KAV Lawyers;
- (xviii) Công ty Luật TNHH ADK Việt Nam Lawyers;
- (xix) Công ty Luật TNHH Nam Hà và Cộng sự;
- (xx) Văn phòng Luật sư Đa Kao.

b) Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành): **không**.

#### 2.1.14. Tài chính:

- a) Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của Trường: **306.810.000.000đ**;
- b) Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm của năm liền trước năm tuyển sinh: **24.400.000đ/ sinh viên**.

#### 2.1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

### 2.2. Tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học

2.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trường hợp thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy (thí sinh tải mẫu đơn và điền thông tin theo mẫu).

#### 2.2.2. Phạm vi tuyển sinh:

- a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 2.2.1;
- b) Tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý, ngành Quản trị kinh doanh và ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

#### 2.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

a) Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **không vượt quá** chỉ tiêu đối với từng ngành đào tạo của đợt tuyển sinh đó;

b) Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy và điểm trung bình tích lũy toàn khóa (được làm tròn đến 2 chữ số thập phân) cho đến khi đủ chỉ tiêu, khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **vượt quá** chỉ tiêu đối với từng ngành đào tạo của đợt tuyển sinh đó. Điểm trung bình tích lũy toàn khóa (được làm tròn đến 2 chữ số thập phân) được xác định như sau:

(i) Đối với thí sinh được đào tạo và cấp bằng theo “Phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế”: điểm trung bình tích lũy toàn khóa học của thí sinh được tính theo thang điểm 10;

(ii) Đối với thí sinh được đào tạo và cấp bằng theo “Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ”: điểm trung bình tích lũy toàn khóa học của thí sinh được tính theo thang điểm 4.

2.2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):*

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	501	- Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, khi có số lượng thí sinh dự tuyển <b>không vượt quá</b> chỉ tiêu đối với từng ngành đào tạo của đợt tuyển sinh đó; - Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy và điểm trung bình tích lũy toàn khóa ( <i>được làm tròn đến 2 chữ số thập phân</i> ) cho đến khi đủ chỉ tiêu, khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển <b>vượt quá</b> chỉ tiêu đối với từng ngành đào tạo của đợt tuyển sinh đó.	90	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2024
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	501		100	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2024
3.	7380101	Luật	501		500	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009

2.2.5. *Ngưỡng đầu vào:* thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy ở trong nước hoặc nước ngoài.

2.2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:* thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

2.2.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):*

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

(i) Một “phiếu đăng ký tuyển sinh” (*thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”*);

(ii) Một “phiếu quản lý hồ sơ thí sinh dự tuyển” (*thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”*);

(iii) Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) văn bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết. Riêng đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sẽ phải nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực: (i) Giấy công nhận văn bằng tốt nghiệp đại học của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo; và (ii) Bản dịch (*gồm văn bằng và bảng điểm học tập*) từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

(iv) Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) bảng điểm học tập (*phù hợp với văn bằng hoặc Giấy chứng nhận nêu trên*);

(v) Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) Giấy khai sinh hoặc Thẻ Căn cước công dân;

(vi) Hai ảnh 2x3 trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

b) Điều kiện nhận hồ sơ và cách thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

- Điều kiện: thí sinh phải có đủ hồ sơ theo quy định tại Mục 2.2.7.a;

- Cách thức và hình thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

(i) Bước 1 (*kê khai thông tin tuyển sinh*): thí sinh kê khai thông tin, hồ sơ đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến (*online*) tại địa chỉ: <https://forms.gle/Muryb1ChYVrSh6xr8>;

(ii) Bước 2 (*nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển*): thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tiếp tại Phòng Đào tạo - Phòng A.102, cơ sở Nguyễn Tất Thành (*địa chỉ: số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh*);

(iii) Bước 3 (*nộp chi phí tuyển sinh*): nộp tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ của Trường.

c) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; các quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, Quy chế đào tạo trình độ đại học và theo Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường.

**2.2.8. Chính sách ưu tiên (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển): theo quy định chung.**

**2.2.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển:**

a) Chi phí xét tuyển (*tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác*): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh;

b) Cách thức nộp lệ phí tuyển sinh:

(i) Cách 1: nộp tiền mặt tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng cho Trường theo thông tin sau:

- Đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;**

- Số tài khoản: **1900201447071;**

- Tên ngân hàng: **Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn;**

- Số tiền: **600.000đ** (sáu trăm ngàn đồng);

- Nội dung: **[Số CCCD # Họ và tên thí sinh # K16D1VB2CQ # Đóng lệ phí tuyển sinh # Tên ngành xét tuyển]** (thí sinh ghi nội dung chuyển tiền không có dấu, với cú pháp và thông tin chính xác, đầy đủ theo hướng dẫn; tên ngành ghi theo quy ước như sau: ngành Ngôn ngữ Anh: *NNA*, ngành Quản trị kinh doanh: *QTKD*, ngành Luật: *LUAT*).

(ii) Cách 2: nộp tiền mặt trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ - Phòng B.105<sup>A</sup>, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4 (sáng từ 8g00' đến 11g00', chiều từ 13g30' đến 16g30' vào các ngày làm việc trong tuần).

2.2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Dự kiến năm học <sup>(*)</sup>		
	2024-2025	2025-2026	Học kỳ 1 năm 2026-2027
Đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	22.800.000	22.800.000	11.400.000
Đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	25.200.000	25.200.000	12.600.000
Đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	31.680.000	31.680.000	15.840.000

(\*) Đối với sinh viên trúng tuyển và nhập học trong năm học 2024-2025: học phí hằng năm như nêu trên là không thay đổi trong suốt khóa học.

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm 2024:

- Đợt 1: từ tháng 5 đến tháng 6;
- Đợt 2: từ tháng 8 đến tháng 9;
- Đợt 3: từ tháng 11 đến tháng 12.

2.2.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

2.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

### III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC (thực hiện theo mẫu số 01):

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trên Trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/he-vua-lam-vua-hoc>.

### 3.1. Tuyển sinh hình thức đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT

#### 3.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó điều kiện để thí sinh dự tuyển là:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tại Việt Nam;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

d) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

đ) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### 3.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 3.1.1;

b) Tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh và ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

#### 3.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2022		x	
2.	Năm 2023		x	
3.	Năm 2024		x	

#### 3.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (gồm ngành Quản trị kinh doanh và ngành Quản trị - Luật). Trong đó: dành 50% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
2.	7380101	Luật	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Pháp luật (gồm ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế). Trong đó: dành 60% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1988

3.1.5. *Ngưỡng đầu vào:* thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hướng dẫn số 1957/BGDĐT-GDDH ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh trình độ đại học và Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Trường

3.1.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:* thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.1.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):*

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

(i) Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên); hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam;

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

(iv) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) *Tổ chức tuyển sinh:* việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hướng dẫn số 1957/BGDĐT-GDDH ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về

việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường.

3.1.8. *Chính sách ưu tiên*: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác)*: 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

3.1.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*:

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Dự kiến năm học <sup>(*)</sup>				Học kỳ 1 2028-2029
	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT	21.800.000	21.800.000	21.800.000	21.800.000	10.900.000
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT	26.500.000	26.500.000	26.500.000	26.500.000	13.250.000

(\*) Đối với sinh viên trúng tuyển và nhập học trong năm học 2024-2025: học phí hằng năm như nêu trên là không thay đổi trong suốt khóa học.

3.1.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*: dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm 2024:

- a) Đợt 1: từ tháng 5 đến tháng 6;
- b) Đợt 2: từ tháng 8 đến tháng 9;
- c) Đợt 3: từ tháng 11 đến tháng 12.

3.1.12. *Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro*: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

3.1.13. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)*: **không**.

3.2. *Tuyển sinh hình thức đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học*

3.2.1. *Đối tượng, điều kiện tuyển sinh*: người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, hoặc hình thức vừa làm vừa học, hoặc hình thức từ xa ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trường hợp thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học (thí sinh tải mẫu đơn và điền thông tin theo mẫu).

### 3.2.2. Phạm vi tuyển sinh:

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 3.2.1;

b) Tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý, ngành Quản trị kinh doanh và ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

### 3.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, vừa làm vừa học, từ xa	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2021		x	
2.	Năm 2022		x	
3.	Năm 2023		x	
4.	Năm 2024		x	

### 3.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	503	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc từ xa theo Đề án của Trường	Bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Nhân văn, nhóm ngành “Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài”. Chỉ tiêu chỉ dành cho đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học.	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2023
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	503	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc từ xa theo Đề án của Trường	Bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (gồm ngành Quản trị kinh doanh và ngành Quản trị - Luật). Trong đó: dành 50% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2023



Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
3.	7380101	Luật	503	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc từ xa theo Đề án của Trường	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Pháp luật (gồm ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế). Trong đó: dành 60% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 <sup>A</sup> / QĐ- ĐHL	24/11/ 2017	Trường tự chủ ban hành	1988

3.2.5. *Ngưỡng đầu vào*: thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc từ xa ở trong nước hoặc nước ngoài.

3.2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường*: thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.2.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo)*:

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

(i) Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc hình thức từ xa của một trường đại học ở trong nước hoặc nước ngoài (*hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học, trong trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp đại học*);

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

(iv) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) *Tổ chức tuyển sinh*: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; các quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, Quy chế đào tạo trình độ đại học và theo Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường.

3.2.8. *Chính sách ưu tiên*: **không**.

3.2.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.*

3.2.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):*

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Dự kiến năm học <sup>(*)</sup>		
	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	19.000.000	19.000.000	19.000.000
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	21.000.000	21.000.000	10.500.000
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	26.400.000	26.400.000	26.400.000

(\*) Đối với sinh viên trúng tuyển và nhập học trong năm học 2024-2025: học phí hằng năm như nêu trên là không thay đổi trong suốt khóa học.

3.2.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm 2024:*

- a) Đợt 1: từ tháng 5 đến tháng 6;
- b) Đợt 2: từ tháng 8 đến tháng 9;
- c) Đợt 3: từ tháng 11 đến tháng 12.

3.2.12. *Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.*

3.2.13. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không.*

**IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA (thực hiện theo mẫu số 02):** tính đến thời điểm xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2024, Trường chưa được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo đối với hình thức từ xa./.

**Cán bộ kê khai**

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ,  
địa chỉ Email)

**- Ông Lê Văn Hiến**

+ Điện thoại: 093.418.1939;  
+ Email: lvhien@hcmulaw.edu.vn.

**- Ông Đoàn Việt Hùng**

+ Điện thoại: 090.383.8647  
+ Email: dvhung@hcmulaw.edu.vn.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trường Sơn**